

THỰC TRẠNG TRIỂN KHAI DỊCH VỤ CÔNG TÁC XÃ HỘI TRONG TRƯỜNG TIỂU HỌC KHU VỰC DUYÊN HẢI NAM TRUNG BỘ

Hà Văn Hoàng

E-mail: hvhoang@ued.udn.vn

Trịnh Thị Nguyệt

E-mail: ttnguyet@ued.udn.vn

Phạm Thị Kiều Duyên

E-mail: ptkduyen@ued.udn.vn

Hồ Thị Thuý Hằng

E-mail: htthang@ued.udn.vn

Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng

Tóm tắt: Công tác xã hội trong trường học đóng vai trò quan trọng trong việc góp phần phát triển năng lực và phẩm chất học sinh, đặc biệt là học sinh tiểu học. Phương pháp nghiên cứu định lượng được tiến hành nhằm đánh giá thực trạng triển khai dịch vụ công tác xã hội trong trường tiểu học tại các tỉnh Duyên hải Nam Trung Bộ, với sự tham gia của 1072 đối tượng (học sinh, giáo viên, phụ huynh). Kết quả cho thấy, các dịch vụ công tác xã hội được thực hiện ở mức độ tương đối thường xuyên, trong đó, dịch vụ bảo chữa, biện hộ và đảm bảo quyền lợi học sinh được đánh giá cao nhất, còn dịch vụ tư vấn tâm lý cho học sinh thấp nhất. Sự khác biệt giữa các nhóm đối tượng (học sinh, giáo viên, phụ huynh) và giữa khu vực nông thôn và thành thị cho thấy khoảng cách trong cảm nhận và triển khai các dịch vụ công tác xã hội tại địa bàn nghiên cứu. Trên cơ sở đó, nghiên cứu khuyến nghị cần tăng cường chuyên môn của đội ngũ, cải thiện cơ sở vật chất và thúc đẩy sự phối hợp giữa nhà trường, gia đình và cộng đồng, đặc biệt ở khu vực nông thôn để nâng cao hiệu quả công tác xã hội trong các trường tiểu học.

Từ khoá: công tác xã hội, dịch vụ, dịch vụ công tác xã hội trường học, trường tiểu học, Duyên hải Nam Trung Bộ

CURRENT STATUS OF IMPLEMENTING SOCIAL WORK SERVICES IN PRIMARY SCHOOLS IN THE SOUTH CENTRAL COASTAL REGION

Ha Van Hoang

E-mail: hvhoang@ued.udn.vn

Trinh Thi Nguyet

E-mail: ttnguyet@ued.udn.vn

Pham Thi Kieu Duyen

E-mail: ptkduyen@ued.udn.vn

Ho Thi Thuy Hang

E-mail: htthang@ued.udn.vn

The University of Danang - University of Science and Education

Abstract: Social work in schools plays an important role in contributing to the development of students' capacity and qualities, especially primary school students. Quantitative research methods were conducted to assess the current status of social work services in primary schools in the South Central Coast provinces, with the participation of 1072 subjects (students, teachers, parents). The results showed that social work services were implemented at a relatively regular level, in which, advocacy, defense and ensuring students' rights were rated highest, while psychological counseling services for students were rated lowest. The differences between groups of subjects (students, teachers, parents) and between rural and urban areas showed the gap in perception and implementation of social work services in the study area. On that basis, the study recommends strengthening the expertise of staff, improving facilities and promoting coordination between schools, families and communities, especially in rural areas to improve the effectiveness of social work in primary schools.

Keywords: social work, services, school social work services, elementary schools, South Central Coast

Nhận bài: 14/04/2025

Phản biện: 15/05/2025

Duyệt đăng: 19/05/2025

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Công tác xã hội học đường là một trong những công cụ nỗ lực nhằm thực sự đạt được các quyền của trẻ em được quy định trong Công ước Liên hợp quốc về quyền trẻ em (Gavrilovic và cộng sự, 2013). Hơn nữa, công tác xã hội trong trường học góp phần giải quyết các rào cản hạn chế học sinh phát huy hết tiềm năng của mình (Jovana, 2018). Nhân viên công tác xã hội đóng nhiều vai trò như

người kết nối dịch vụ, giáo dục, biện hộ và tạo môi trường thuận lợi (Nguyễn Hồi Loan và cộng sự, 2015). Theo đó, nhân viên xã hội học đường được xem như là “cầu nối giữa học sinh, gia đình, nhà trường để giúp các em học sinh có thể có được điều kiện và phát huy hết khả năng học tập tốt nhất” (Bùi Thị Xuân Mai, 2014), (Sugrue, 2017). Bởi vậy, các dịch vụ công tác xã hội sẽ là một

trong những dịch vụ có tác động đáng kể trong việc góp phần giải quyết các vấn đề của học sinh cũng như nâng cao chất lượng dạy học (Đỗ Văn Trãi và cộng sự, 2019).

Những năm gần đây, công tác xã hội trong trường học tại Việt Nam ngày càng được chú trọng, góp phần phòng ngừa tình trạng học sinh bỏ học, bạo lực học đường, hành vi tự tử, đồng thời hỗ trợ phụ huynh và cung cấp dịch vụ tham vấn tâm lý,... (Phạm Thị Quỳnh Nga, 2014). Tuy nhiên, các dịch vụ công tác xã hội trong trường học nói chung và ở trường tiểu học nói riêng cũng gặp những khó khăn nhất định về đội ngũ nhân viên công tác xã hội; nguồn kinh phí; cơ sở pháp lý; hạn chế trong nhận thức của một bộ phận người dân, các cấp quản lý (Nguyễn Văn Đồng, 2018) hay một số trường có phòng tham vấn học đường, tuy nhiên việc trợ giúp chưa thực sự hiệu quả (Nguyễn Thị Bích Thủy, 2018). Hơn nữa, các yếu tố như tình trạng kinh tế, vị trí địa lý và tình trạng gia đình ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận các dịch vụ công tác xã hội của học sinh. Học sinh từ các gia đình có thu nhập thấp hoặc sống ở khu vực nông thôn thường gặp khó khăn hơn trong việc tiếp cận dịch vụ công tác xã hội học đường (Malmberg và cộng sự, 2017).

Từ thực tiễn đó, việc phân tích thực tiễn triển khai dịch vụ công tác xã hội trong trường tiểu học, đặc biệt tại các tỉnh khu vực Duyên hải Nam Trung Bộ - một khu vực còn nhiều khó khăn về kinh tế - xã hội, với sự phân hóa rõ rệt giữa các vùng miền ảnh hưởng đến chất lượng giáo dục và dịch vụ hỗ trợ học sinh. Ngoài ra, hệ thống dịch vụ công tác xã hội trong trường học tại khu vực này vẫn đang trong quá trình hình thành và phát triển, nên việc nghiên cứu sẽ giúp phản ánh thực

trạng, từ đó đưa ra những đề xuất phù hợp với đặc thù địa phương.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu khảo sát 1.080 đối tượng tại 12 trường tiểu học ở Đà Nẵng, Quảng Ngãi và Phú Yên bằng phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên phân tầng, gồm 240 giáo viên, 240 phụ huynh và 600 học sinh lớp 4 và lớp 5. Sau xử lý, có 1.072 phiếu hợp lệ, bao gồm: 238 giáo viên, 240 phụ huynh và 594 học sinh. Học sinh phân bố giới tính cân bằng (nam 48,8%, nữ 51,0%), trong khi tỷ lệ nữ chiếm ưu thế ở giáo viên (70,2%) và phụ huynh (67,1%). Mẫu phân bố đều giữa nông thôn và thành thị, trên 97% thuộc dân tộc Kinh. Độ tuổi giáo viên chủ yếu từ 25-35 và 45-55, phụ huynh tập trung ở nhóm 35-45 tuổi (51,2%). Như vậy, mẫu nghiên cứu đảm bảo quy mô và sự phân bố hợp lý, phù hợp cho phân tích và khái quát kết quả.

Nghiên cứu đã sử dụng phương pháp điều tra bằng bảng hỏi để đánh giá mức độ thực hiện các dịch vụ công tác xã hội trong trường tiểu học các tỉnh Duyên hải Nam Trung Bộ, bao gồm 5 loại hình dịch vụ là: dịch vụ quản lý trường hợp; dịch vụ tư vấn, tham vấn tâm lý; dịch vụ hỗ trợ y tế và chăm sóc sức khỏe; dịch vụ kết nối và huy động nguồn lực; dịch vụ bào chữa, biện hộ. Câu hỏi được đánh giá theo thang đo Likert 5 mức độ. Kết quả thu thập được xử lý thông qua phần mềm SPSS 27. để tính điểm trung bình, độ lệch chuẩn cũng như phân tích T-test, ANOVA để phân tích sự khác biệt về thực tiễn triển khai dịch vụ công tác xã hội trong trường tiểu học các tỉnh Duyên hải Nam Trung Bộ. Quy ước thang khoảng điểm trung bình đánh giá mức độ thực hiện dịch vụ công tác xã hội trong trường tiểu học như sau.

Bảng 1. Quy ước tính thang khoảng điểm trung bình

Thang điểm	Mức độ thực hiện
1,00-1,80	Chưa bao giờ
1,81-2,60	Thỉnh thoảng
2,61-3,40	Đôi khi
3,41-4,21	Thường xuyên
4,22-5,00	Rất thường xuyên

2.2. Kết quả nghiên cứu và bàn luận

Kết quả nghiên cứu trên 3 khách thể khảo sát: học sinh, giáo viên, phụ huynh với $n = 1072$ về

thực trạng mức độ thực hiện dịch vụ công tác xã hội trong trường tiểu học các tỉnh Duyên hải Nam Trung Bộ được thể hiện ở bảng 2.

Bảng 2. Kết quả đánh giá thực trạng mức độ thực hiện các loại hình dịch vụ công tác xã hội trong trường tiểu học

Các loại hình dịch vụ	M	SD	Thứ bậc
Dịch vụ quản lý trường hợp	3,63	1,06	3
Dịch vụ tư vấn, tham vấn tâm lý cho học sinh	3,36	1,18	5
Dịch vụ hỗ trợ y tế và chăm sóc sức khỏe cho học sinh	3,64	1,09	2
Dịch vụ kết nối và huy động nguồn lực cho học sinh	3,54	1,15	4
Dịch vụ bảo chữa, biện hộ, đảm bảo quyền lợi cho học sinh	3,74	1,06	1

Kết quả bảng 2, mức độ thực hiện các loại hình dịch vụ công tác xã hội trong trường tiểu học hiện đang được đánh giá ở mức tương đối thường xuyên, với điểm trung bình dao động từ 3,36 đến 3,74. Trong đó, dịch vụ bảo chữa, biện hộ và đảm bảo quyền lợi cho học sinh được đánh giá cao nhất với điểm trung bình $M = 3,74$, cho thấy đây là hoạt động được triển khai tương đối thường xuyên trong các trường tiểu học. Điều này phản ánh các nhà trường xu hướng ngày càng chú trọng đến việc bảo vệ quyền lợi học sinh, nhất là trong bối cảnh các vấn đề bạo lực học đường và bất bình đẳng đang được xã hội quan tâm. Tiếp theo là dịch vụ hỗ trợ y tế và chăm sóc sức khỏe ($M = 3,64$), cho thấy các nhà trường đã có những nỗ lực nhất định trong việc chăm sóc sức khỏe thể chất cho học sinh, tuy nhiên vẫn còn hạn chế ở khía cạnh sức khỏe tâm thần. Dịch vụ quản lý

trường hợp cũng đạt mức điểm khá ($M = 3,63$), phản ánh việc theo dõi và hỗ trợ cá nhân học sinh đã được triển khai, nhưng chủ yếu vẫn phụ thuộc vào giáo viên chủ nhiệm và thiếu sự chuyên môn hóa. Trong khi đó, dịch vụ kết nối và huy động nguồn lực chỉ đạt $M = 3,54$, cho thấy sự phối hợp giữa nhà trường với các tổ chức xã hội, cộng đồng chưa thật sự chặt chẽ và thường xuyên. Đặc biệt, dịch vụ tư vấn, tham vấn tâm lý cho học sinh có điểm thấp nhất ($M = 3,36$), phản ánh thực trạng nhiều trường vẫn chưa có đội ngũ chuyên môn tâm lý học đường bài bản và còn thiếu cơ sở vật chất hỗ trợ công tác này.

Nhìn chung, các dịch vụ công tác xã hội trong trường tiểu học đã được triển khai ở mức độ tương đối thường xuyên, song vẫn còn nhiều chênh lệch giữa các loại hình, đặt ra yêu cầu cần tăng cường chuyên môn hóa và đồng bộ hóa trong tổ chức thực hiện.

Bảng 3. Sự khác biệt về đánh giá thực tiễn triển khai dịch vụ công tác xã hội trong trường tiểu học giữa các nhóm khách thể khảo sát

Các loại hình dịch vụ	HS (n=594)		GV (n=238)		PH (n=240)		F(2, 1069)	p
	M	SD	M	SD	M	SD		
Dịch vụ quản lý trường hợp	3,52	1,12	3,80	0,94	3,74	1,01	8,45	0,001
Dịch vụ tư vấn, tham vấn tâm lý cho học sinh	3,10	1,25	3,84	0,82	3,53	1,13	40,69	0,001
Dịch vụ hỗ trợ y tế và chăm sóc sức khỏe cho học sinh	3,47	1,18	3,92	0,85	3,74	1,00	17,14	0,001
Dịch vụ kết nối và huy động nguồn lực cho học sinh	3,38	1,23	3,74	0,98	3,70	1,08	12,76	0,001
Dịch vụ bảo chữa, biện hộ, đảm bảo quyền lợi cho học sinh	3,62	1,16	4,00	1,57	3,83	0,99	9,45	0,001

* $p < 0,05$

Bảng 3 thể hiện kết quả đánh giá thực trạng mức độ thực hiện các loại hình dịch vụ công tác xã hội trong trường tiểu học, phân theo ba nhóm đối tượng: học sinh, giáo viên và phụ huynh. Kết quả phân tích One-way ANOVA cho thấy, tồn tại sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa các nhóm này ở tất cả các dịch vụ, với giá trị $p < 0,001$ cho

tất cả biến quan sát. Đây là một dấu hiệu quan trọng, phản ánh sự chênh lệch trong nhận thức, trải nghiệm và mức độ tiếp cận dịch vụ giữa các nhóm.

Theo đó, đối với dịch vụ quản lý trường hợp kết quả cho thấy, học sinh ($M = 3,52$) đánh giá mức độ thực hiện dịch vụ này thấp hơn so với giáo viên ($M = 3,80$) và phụ huynh ($M = 3,74$). Sự chênh

lệch này ($F = 8,45$; $p = 0,001$) cho thấy học sinh chưa thực sự nhận diện rõ các hoạt động hỗ trợ mà mình đang được hưởng. Điều này có thể xuất phát từ việc công tác quản lý trường hợp thường do giáo viên chủ nhiệm thực hiện một cách lồng ghép, không chính danh hoặc không được truyền thông rõ ràng. Trong khi đó, tư vấn, tham vấn tâm lý là dịch vụ được đánh giá có mức chênh lệch lớn nhất giữa ba nhóm ($F = 40,69$; $p = 0,001$), với học sinh đánh giá rất thấp ($M = 3,10$), trong khi giáo viên ($M = 3,84$) và phụ huynh ($M = 3,53$) đánh giá cao hơn. Điều này phản ánh rõ khoảng cách giữa việc “triển khai” và cảm nhận thực tế của học sinh. Đối với dịch vụ hỗ trợ y tế và chăm sóc sức khỏe, mức độ thực hiện được đánh giá cao ở cả ba nhóm (GV: $M = 3,92$; PH: $M = 3,74$), song học sinh vẫn cảm nhận thấp hơn ($M = 3,47$). Sự chênh lệch có ý nghĩa thống kê ($F = 17,14$; $p = 0,001$), cho thấy hoạt động y tế trong trường vẫn chủ yếu phản ứng khi xảy ra sự cố (tai nạn, đau ốm), mà chưa mang tính dự phòng hoặc giáo dục sức khỏe thường xuyên. Về dịch vụ kết nối và huy động nguồn lực, học sinh tiếp tục đánh giá thấp nhất ($M = 3,38$), trong khi giáo viên và phụ huynh có đánh giá cao hơn (GV: $M = 3,74$; PH: $M = 3,70$). Điều này cho thấy hoạt động huy động hỗ trợ, tài trợ cho học sinh vẫn chưa được minh bạch hóa hoặc truyền thông rõ ràng tới đối tượng thụ hưởng. Mặt khác, dịch vụ bào chữa, biện hộ, đảm bảo quyền lợi dù có sự đồng thuận tương đối cao giữa các nhóm (HS: $M = 3,62$; GV: $M = 4,00$; PH: $M = 3,83$), vẫn tồn tại chênh lệch có ý nghĩa thống kê ($F = 9,45$; $p = 0,001$). Giáo viên có xu hướng đánh giá việc thực hiện dịch vụ này cao hơn, có thể do đánh giá dựa trên các quy định hoặc tài liệu nội bộ, trong khi học sinh và phụ huynh chỉ nhìn thấy phần thể hiện cụ thể qua hành vi, hoạt động biện hộ, bào chữa.

Như vậy, các dịch vụ công tác xã hội đã được triển khai tương đối đồng bộ trong nhà trường, song còn nhiều chênh lệch giữa cảm nhận và trải nghiệm thực tế của học sinh với đánh giá hành chính của giáo viên và phụ huynh. Học sinh - đối tượng thụ hưởng trực tiếp luôn có mức đánh giá thấp hơn, phản ánh một khoảng cách đáng kể trong việc thiết kế, triển khai và truyền thông dịch vụ. Để hiểu rõ hơn về mức độ triển khai các dịch

vụ công tác xã hội trong trường tiểu học, nghiên cứu đã tiến hành so sánh sự khác biệt trong đánh giá giữa hai khu vực sinh sống là nông thôn và thành thị.

Sự khác biệt về đánh giá thực tiễn triển khai dịch vụ công tác xã hội trong trường tiểu học giữa các khu vực sinh sống kết quả phân tích T-Test nhằm xác định sự khác biệt trong đánh giá mức độ triển khai các loại hình dịch vụ công tác xã hội tại trường tiểu học giữa hai khu vực sinh sống là nông thôn và thành thị. Kết quả cho thấy có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ($p < 0,05$) đối với hai loại hình dịch vụ: quản lý trường hợp và biện hộ, đảm bảo quyền lợi cho học sinh, trong đó mức độ đánh giá của người tham gia khảo sát ở khu vực thành thị cao hơn so với nông thôn (lần lượt là $M=3,69$ so với $M=3,56$ và $M=3,80$ so với $M=3,67$). Điều này phản ánh rằng, việc triển khai các dịch vụ này tại thành thị có thể thuận lợi hơn nhờ vào nguồn lực dồi dào, đội ngũ chuyên môn được đào tạo bài bản hơn và mức độ nhận thức cao hơn từ phía nhà trường cũng như cộng đồng. Ngược lại, đối với ba loại hình dịch vụ còn lại, kết quả cho thấy không có sự khác biệt đáng kể giữa hai khu vực ($p > 0,05$), phản ánh mức độ triển khai các dịch vụ này đã đạt được sự đồng đều tương đối giữa nông thôn và thành thị.

Như vậy, mặc dù việc thực hiện một số dịch vụ công tác xã hội trong trường tiểu học tại địa bàn nghiên cứu đã có xu hướng đồng đều hóa, nhưng vẫn tồn tại khoảng cách về chất lượng triển khai đối với các dịch vụ mang tính chuyên sâu, đòi hỏi chuyên môn cao. Điều này đặt ra yêu cầu cần tăng cường năng lực cho đội ngũ làm công tác xã hội tại các trường tiểu học, đặc biệt ở khu vực nông thôn, nhằm thu hẹp chênh lệch vùng miền và nâng cao hiệu quả hỗ trợ học sinh một cách toàn diện.

III. KẾT LUẬN

Nghiên cứu này đã tiến hành đánh giá thực trạng triển khai các dịch vụ công tác xã hội trong trường tiểu học tại các tỉnh Duyên hải Nam Trung Bộ, với sự tham gia của 1.072 đối tượng khảo sát bao gồm học sinh, giáo viên và phụ huynh. Kết quả cho thấy các dịch vụ công tác xã hội được triển khai ở mức độ tương đối thường xuyên, nhưng còn tồn tại nhiều chênh lệch giữa các loại hình dịch vụ và các nhóm đối tượng khảo sát.

Dịch vụ bào chữa, biện hộ và đảm bảo quyền lợi cho học sinh được đánh giá cao nhất, trong khi dịch vụ tư vấn, tham vấn tâm lý cho học sinh có mức đánh giá thấp nhất.

Ngoài ra, sự khác biệt trong đánh giá giữa các nhóm đối tượng khảo sát (học sinh, giáo viên, phụ huynh) cũng cho thấy sự chênh lệch đáng kể trong cảm nhận và trải nghiệm thực tế của học sinh với đánh giá hành chính của giáo viên và phụ huynh. Học sinh, đối tượng thụ hưởng trực tiếp các dịch vụ, thường có mức đánh giá thấp hơn so với các nhóm còn lại, điều này phản ánh khoảng cách trong việc thiết kế, triển khai và truyền thông các dịch vụ công tác xã hội. Bên cạnh đó, kết quả nghiên cứu cũng cho thấy sự khác biệt trong mức độ triển khai các dịch vụ công tác xã hội giữa các

khu vực nông thôn và thành thị, với thành thị có xu hướng thực hiện các dịch vụ này tốt hơn nhờ vào nguồn lực dồi dào và đội ngũ chuyên môn cao hơn.

Trên cơ sở các kết quả nghiên cứu, có thể khẳng định rằng mặc dù công tác xã hội học đường trong các trường tiểu học đã có những nỗ lực nhất định, nhưng vẫn cần tiếp tục cải thiện, đặc biệt là đối với các dịch vụ chuyên sâu như tư vấn, tham vấn tâm lý, để đáp ứng tốt hơn nhu cầu của học sinh. Để nâng cao hiệu quả của công tác xã hội trong trường học, cần tập trung vào việc tăng cường năng lực cho đội ngũ nhân viên công tác xã hội, cải thiện cơ sở vật chất và tăng cường sự phối hợp giữa nhà trường, gia đình và cộng đồng, đặc biệt là ở các khu vực nông thôn.

LỜI CẢM ƠN: *Nghiên cứu này được tài trợ bởi Bộ Giáo dục và Đào tạo trong đề tài mã số B2023.DNA.04*

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đỗ Văn Trãi và cộng sự (2019). Nhu cầu dịch vụ công tác xã hội học đường. *Tạp chí Nghiên cứu khoa học công đoàn*, 17, 36-40.
2. Bùi Thị Xuân Mai (chủ biên). (2014). *Giáo trình nhập môn công tác xã hội*. Nxb Lao động - Xã hội.
3. Gavrilovic, A., Jugovic, A., & Lepir, L. (2013). Social work at school: Theoretical and methodological basics. Banja Luka, Bosnia: University of Banja Luka.
4. Jovana, S., & Jelena, K. (2018). Social work in educational system of the Balkans - Is social worker needed in schools? *International Journal of Humanities, Arts and Social Sciences*, 4(6), 245-252. DOI: 10.20469/ijhss.4.10003-6
5. Malmberg, L. E., et al. (2017). Social inequality in access to out-of-school educational support and its consequences. *European Journal of Psychology of Education*, 32(3), 421-438.
6. Nguyễn Hồi Loan & Nguyễn Thị Kim Hoa (Đồng chủ biên, 2015). *Giáo trình công tác xã hội đại cương* (pp. 285-292). Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
7. Nguyễn Thị Bích Thủy. (2018). Sự cần thiết của công tác xã hội học đường trong các trường phổ thông ở Việt Nam hiện nay, *Kỷ yếu hội thảo quốc tế: Những xu thế mới trong giáo dục*. 656-666.
8. Nguyễn Văn Đồng. (2018). Công tác xã hội trường học tại Việt Nam: Triển vọng và thách thức. *Tạp chí Giáo dục*, 421, 60-63.
9. Phạm Thị Quỳnh Nga. (2014). *Hành vi bạo lực học đường của học sinh trường phổ thông trung học và giải pháp công tác xã hội trong việc phòng ngừa hành vi bạo lực của học sinh (Nghiên cứu trường hợp tại PTTH Nguyễn Tất Thành và PTTH Phan Huy Chú, Hà Nội) (Luận văn thạc sĩ)*. Trường Đại học KHXH&NV - Đại học Quốc gia Hà Nội.
10. Sugrue, E. P. (2017). The professional legitimization of early school social work: A historical analysis. *School Social Work Journal*, 42(1), 16-36.